TÁC ĐỘNG CỦA ESG LÊN CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM: VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nguyễn Đặng Hải Yến*

Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của các yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đến chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2017-2023, với chất lượng tài sản được đo lường thông qua tỷ lệ nợ xấu (NPL). Sử dụng dữ liệu của 23 ngân hàng và phương pháp phân tích FGLS, kết quả cho thấy tồn tại mối quan hệ phi tuyến giữa điểm số ESG và chất lượng tài sản. Cụ thể, khi điểm ESG tăng đến một mức độ nhất định, chất lượng tài sản được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua việc giảm tỷ lệ nợ xấu. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của việc nâng cao ESG, tác động đến chất lượng tài sản chưa rõ ràng. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra vai trò điều tiết của khả năng sinh lời trong mối quan hệ giữa ESG và chất lượng tài sản. Theo đó, các ngân hàng có khả năng sinh lời cao sẽ tận dụng tốt hơn các lợi ích từ ESG, từ đó nâng cao chất lượng tài sản. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho việc thúc đẩy ESG trong ngành ngân hàng và gợi ý các chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng.

• Từ khóa: *ESG, chất lượng tài sản, ngân hàng thương mại Việt Nam, phát triển bền vững, khả năng sinh lời.*

This study analyzes the impact of Environmental, Social, and Governance (ESG) factors on the asset quality of 23 commercial banks in Vietnam during the period 2017-2023. By applying regression models including OLS, FEM, REM, and FGLS, the results show that banks with higher ESG scores tend to have better asset quality, lower non-performing loan (NPL) ratios, and improved credit risk management capabilities. Furthermore, the study finds that profitability plays a moderating role in the relationship between ESG and asset quality. This research not only provides robust empirical evidence of the positive impact of ESG on asset quality but also offers practical managerial implications for banks, regulators, and investors. In addition, the findings open new directions for future research, encouraging deeper exploration of sustainable development in the banking sector.

• Key words: *ESG, asset quality, Vietnamese commercial banks, sustainable development, profitability.*

Ngày nhận bài: 20/10/2025
Ngày gửi phản biện: 21/12/2025
Ngày duyệt đăng: 20/01/2025

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i306.04

1. Giới thiệu

Ngành ngân hàng giữ vai trò trung gian tài chính quan trọng, giúp huy động và phân bổ vốn hiệu quả, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi theo hướng bền vững. Chất lượng tài sản ngân hàng đang là mối quan tâm lớn, nhất là trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô và quy định ESG ngày càng nghiêm ngặt. ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) ảnh hưởng tích cực đến chất lượng tài sản qua chính sách cho vay, quản trị rủi ro và nâng cao uy tín, giúp giảm nợ xấu và cải thiện hiệu quả tài chính dài hạn. Khả năng sinh lời (ROE) là yếu tố then chốt, cân bằng giữa đầu tư ESG và duy trì lợi nhuận. ROE ổn định giúp ngân hàng có nguồn lực thực hiện ESG lâu dài, trong khi ROE quá thấp hoặc quá cao có thể làm giảm hiệu quả của ESG đối với chất lượng tài sản.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã xem xét tác động của ESG đối với chất lượng tài sản và hiệu quả tài chính của ngân hàng. Các nghiên cứu như của (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024) đã khẳng định rằng ESG có thể nâng cao chất lượng tài sản và cải thiện hiệu quả hoạt động của ngân hàng thông qua việc kiểm soát rủi ro tốt hơn. Nghiên cứu của Eliwa, Aboud và Saleh (2023) cũng chỉ ra rằng chi phí nợ của các công ty có thể giảm xuống khi có hiệu suất ESG mạnh mẽ. Ngoài ra, nghiên cứu của (Tommaso & Thornton, 2020) đã đề cập đến mối liên hệ giữa ESG và giá trị ngân hàng thông qua mức độ chấp nhận rủi ro. Bên cạnh đó, Rastogi, Singh và Kanoujiya (2024) đã nhấn mạnh vai trò của ESG trong việc định giá ngành ngân hàng và tác động của nó đến sự phát triển dài hạn. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào các thị trường phát triển với hệ thống ngân hàng ổn định, trong khi đó, các nghiên cứu về ESG trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu xem xét vai trò điều tiết của khả năng sinh lời trong mối quan hệ giữa ESG và chất lượng tài sản. Bối cảnh của Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển với hệ thống ngân hàng đang dần hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong việc triển khai ESG một cách hiệu quả. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm lấp đầy khoảng trống đó, cung cấp góc nhìn toàn diện hơn về

** Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; email: yenndh@hub.edu.vn*

ảnh hưởng của ESG đối với chất lượng tài sản của ngân hàng tại Việt Nam, đồng thời đánh giá tác động của khả năng sinh lời trong mối quan hệ này. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp vào lý thuyết tài chính ngân hàng mà còn đưa ra các hàm ý quản trị giúp các ngân hàng tại Việt Nam tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh một cách hiệu quả, nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo sự phát triển bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết

Bài viết sử dụng ba lý thuyết để giải thích tác động của ESG đến chất lượng tài sản và vai trò điều tiết của khả năng sinh lời (ROE) trong ngành ngân hàng:

Lý thuyết đại diện (Agency Theory) làm rõ xung đột lợi ích giữa cổ đông và nhà quản lý, đặc biệt trong ngân hàng với cấu trúc phức tạp. Yếu tố quản trị trong ESG giúp giảm xung đột này bằng cách tăng minh bạch, giám sát nội bộ và đồng bộ hóa lợi ích, từ đó nâng cao chất lượng tài sản và giảm rủi ro tín dụng (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024).

Lý thuyết lợi ích liên quan (Stakeholder Theory) nhấn mạnh trách nhiệm của ngân hàng không chỉ với cổ đông mà còn với các bên liên quan như khách hàng, nhân viên và cộng đồng. Việc thực hiện ESG đáp ứng nhu cầu các bên này giúp cải thiện chất lượng tài sản và hiệu quả tài chính bền vững Cantero-Saiz, Polizzi và Scannella (2024).

Lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory) cho thấy ngân hàng sử dụng công bố ESG như một tín hiệu minh chứng cho quản trị tốt và sự ổn định tài chính, thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm và nâng cao uy tín. ROE đóng vai trò điều tiết, khi ngân hàng có ROE cao sẽ dễ dàng đầu tư ESG, tăng tính minh bạch và niềm tin, từ đó giảm nợ xấu và nâng cao chất lượng tài sản (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024) và (Fatemi, Glaum, & Kaiser, 2018).

2.2. Lược khảo các nghiên cứu

Hầu hết các tài liệu về ESG đều thảo luận về hậu quả của các chiến lược ESG của ngân hàng, tập trung vào giá trị cổ phiếu ngân hàng (Tommaso & Thornton, 2020; Zhou & Zhou, 2021), sự ổn định (Chiaramonte và cộng sự., 2022; Tóth và cộng sự., 2021), khó khăn tài chính (Citterio & King, 2023), hiệu quả hoạt động (Ji và cộng sự., 2023; Yuen và cộng sự., 2022), … rất ít nghiên cứu tập trung điều tra tác động của ESG đến chất lượng tài sản của các ngân hàng.

Cantero-Saiz, Polizzi và Scannella (2024) nghiên cứu về mối quan hệ giữa ESG và chất lượng tài sản ngân hàng, đồng thời xem xét vai trò điều tiết của khả năng sinh lời tại châu Âu trong giai đoạn 11/2023-1/2024. Sử dụng mô hình Pooled OLS, FEM va REM, kết quả cho thất mối quan hệ tích cực giữa ESG và chất lượng tài sản. Tuy nhiên, khi ROE cao có thể làm giảm hoặc thậm chí đảo ngược tác động. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các ngân hàng thuộc Liên minh châu Âu sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ các chiến lược ESG so với các ngân hàng ngoài châu Âu.

Jain và cộng sự. (2024) nghiên cứu về việc tích hợp các yếu tố ESG trong đánh giá chất lượng tài sản của ngân hàng ở Ấn Độ trong giai đoạn 7/2024-10/2024. Bài nghiên cứu này theo hướng định tính nên nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp các yếu tố ESG giúp tăng cường giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy các đầu tư đạo đức và tuân theo các quy định xã hội, từ đó nâng cao chất lượng tài sản. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng chỉ ra một số hạn chế như thiếu tiêu chuẩn hóa trong các chỉ số ESG và thách thức trong việc định lượng các vấn đề xã hội và quản trị.

Baek và Kang (2025) xem xét tác động của các hoạt động Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đối với chất lượng tài sản và quản lý chi phí tài trợ trong lĩnh vực ngân hàng toàn cầu, tập trung vào vai trò của đa dạng hóa thu nhập. Sử dụng tập dữ liệu gồm 1.865 ngân hàng trên cả thị trường phát triển và mới nổi từ năm 2005 đến năm 2022, nghiên cứu này sử dụng các mô hình hồi quy hiệu ứng cố định để đánh giá mối quan hệ giữa tích hợp ESG, đa dạng hóa thu nhập và kết quả tài chính. Các phát hiện cho thấy các ngân hàng có hiệu suất ESG mạnh hơn có chất lượng tài sản được cải thiện và chi phí tài trợ giảm do phụ thuộc nhiều hơn vào các hoạt động thu nhập lãi suất.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Dữ liệu được thu thập từ các các báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của ngân hàng ở Việt Nam, trong giai đoạn từ 2017 đến 2023. Trong quá trình thu thập dữ liệu của các báo cáo, một số ngân hàng sẽ không đáp ứng nhu cầu để nghiên cứu nên sẽ được loại bỏ. Vì vậy, nghiên cứu sử dụng dữ liệu của 23 ngân hàng thương mại Việt Nam, với tổng số quan sát trong 7 năm là 161.

3.2. Mô hình

Dựa trên nghiên cứu của (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024) chúng tôi xây dựng mô hình sau với giả thuyết H1 để kiểm chứng tác động phi tuyến giữa ESG và chất lượng tài sản.

$$AQL_{it} = \beta_0 + \beta_1 ESG_{it} + \beta_2 ESG_{it}^2 + \beta_3 ROE_{it} + \beta_4 (ESG_{it} \times ROE_{it}) + \beta_5 X_{it} + \beta_6 Z_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Giả thuyết H1: ESG có tác động phi tuyến đến chất lượng tài sản ngân hàng

Điểm ngưỡng được xác định bởi công thức 4 (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024).

$$\frac{\mathrm{AQL}}{ESG} = \frac{-\beta_1}{2\beta_2}$$

Ngoài ra, nghiên cứu đặt giả thuyết H2 để đánh giá vai trò của khả năng sinh lời, cụ thể:

Giả thuyết H2: Khả năng sinh lời đóng vai trò điều tiết trong mối quan hệ giữa ESG và chất lượng tài sản của ngân hàng Việt Nam.

Trong đó, biến phụ thuộc chất lượng tài sản được đo lường bằng chỉ số NPL theo các nghiên cứu trước đây (Cantero-Saiz, Polizzi, & Scannella, 2024; Kadioglu & Ocal, 2017).

Thứ hai, biến độc lập ESG, được xác định theo phương pháp chấm điểm. Theo đó, ESG được chia thành ba trụ cột chính với tổng cộng 9 tiêu chí phản ánh đầy đủ các khía cạnh cốt lõi trong hoạt động ngân hàng liên quan đến phát triển bền vững. Hệ thống tiêu chí này được xây dựng dựa trên tham khảo các bộ chuẩn mực phổ biến như Global Reporting Initiative (GRI), Sáng kiến Tài chính UNEP (UNEP FI), cũng như các hướng dẫn công bố ESG từ các tổ chức quốc tế như IFC, OECD và các thực hành tiêu biểu từ báo cáo phát triển bền vững của các ngân hàng lớn trên thế giới. Việc gán điểm từ 0 đến 10 cho mỗi tiêu chí được thiết kế nhằm phản ánh mức độ hiện diện, tính cụ thể và chất lượng thông tin được công bố. Cách tiếp cận này không chỉ tạo điều kiện lượng hóa mức độ ESG của từng ngân hàng một cách khách quan, mà còn giúp so sánh sự tiến bộ theo thời gian và giữa các ngân hàng với nhau.

Ngoài ra, việc tính điểm trung bình cho từng trụ cột ESG và điểm ESG tổng hợp theo công thức 1 giúp đơn giản hóa quá trình phân tích định lượng trong mô hình nghiên cứu, đồng thời vẫn đảm bảo cân bằng giữa ba khía cạnh nền tảng của phát triển bền vững.

$$ESGi = (Ei + Si + Gi)/3 \quad (2)$$

Thứ ba, biến khả năng sinh lời được đo lường bằng ROE. Nghiên cứu sử dụng ROE thay vì ROA và NIM làvvì ROE vừa phản ánh hiệu quả sự dụng vốn chủ sở hữu, phù hợp để đánh giá hiệu quả quản trị mà không bị ảnh hưởng nhiều bởi quy mô tài sản. Ngoài ra, NIM thường dùng để đo lường lợi nhuận từ lãi, ROE bao quát lợi nhuận sau thuế và các hoạt động phi tín dụng (Acharya, Hasan, & Saunders, 2006). Biến tương tác ESGROE được dùng để phân tích cách mà khả năng sinh lời ảnh hưởng đến ESG và chất lượng tài sản.

Ngoài ra, nghiên cứu đưa thêm một số biến kiểm soát phản ánh đặc điểm nội tại ngân hàng như: cấu trúc vốn (FUD) được tính bằng tiền gửi trên tổng tài sản của ngân hàng, Quy mô của ngân hàng (SIZE) được đo lường bằng log tự nhiên của tổng tài sản và CAP là tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của ngân hàng. Đối với biến kiểm soát vĩ mô, bài viết đưa vào mô hình hai biến gồm có tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát INF; i, t lần lượt là chỉ mục về ngân hàng và thời gian.

Các biến trong mô hình được mô tả ở bảng 1.

Bảng 1. Bảng mô tả biến

Ký hiệu	Tên Biến	Đo lường	Nguồn
NPL	Nợ xấu	Tổng giá trị các khoản vay nợ xấu / tổng giá trị các khoản vay	Fiinpro
ESG	Môi trường, quản trị, xã hội	Điểm ESG	Fiinpro
ROE	Khả năng sinh lời	Tỷ suất sinh lời / vốn chủ sở hữu	Fiinpro
ESGROE		ESG * ROE	Fiinpro
FUD	Cấu trúc nguồn vốn	Tỷ lệ tiền gửi / tổng tài sản	Fiinpro
CAP	Cơ cấu vốn	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu / tổng tài sản	Fiinpro
SIZE	Quy mô	Ln (Tổng tài sản)	Fiinpro
GDP	Tăng trưởng kinh tế	Tốc độ tăng trưởng	Ngân hàng thế giới
INF	Lạm phát	Tỷ lệ lạm phát	Ngân hàng thế giới

Để đánh giá tác động của ESG đến chất lượng tài sản của các ngân hàng tại Việt Nam, vai trò điều tiết của khả năng sinh lời, nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng với những mô hình hồi quy: Pooled OLS, FEM và REM. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng các kiểm định đa cộng tuyến và Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp. Sau đó sử dụng FGLS để khắc phục các khuyết tật như phương sai sai số thay đổi, tự tương quan.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Mẫu nghiên cứu trong bài viết được thu thập từ 23 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 7 năm kể từ 2017-2023, tổng cộng có 161 quan sát. Nội dung này giúp bài viết có cái nhìn tổng quát hơn về số lượng quan sát và các biến. Cụ thể, kết quả thống kê được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả biến

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
NPL	161	0.0184	0.0107	0.0047	0.0727
ESG	161	1.4565	0.9474	0.3333	5.5
ROE	161	0.1547	0.0728	0.0089	0.3033
FUD	161	0.6643	0.1118	0.4418	0.9095
SIZE	161	12.6493	0.9962	10.59	14.65
CAP	161	0.0812	0.0287	0.0406	0.171
GDP	161	0.0563	0.0201	0.0258	0.0802
INF	161	0.0266	0.0095	0.0129	0.0409

Nguồn: Kết quả tác giả thu được từ Stata 17

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) dùng để đo chất lượng tài sản ngân hàng, với giá trị trung bình 0,0184, cho thấy nợ xấu ở các ngân hàng Việt Nam khá thấp và ổn định, dao động từ 0,0047 đến 0,0727. Một số ngân hàng có nợ xấu cao nhất là 7,27%. Chỉ số ESG trung bình là 1,4565 với độ lệch chuẩn 0,9474, phản ánh sự khác biệt lớn trong việc áp dụng ESG giữa các ngân hàng, từ mức mạnh đến mới bắt đầu. Khả năng sinh lời (ROE) trung bình là 15,47%, dao động từ 0,89% đến 30,33%, cho thấy sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả hoạt động giữa các ngân hàng. Các biến kiểm soát có giá trị và độ lệch chuẩn quanh mức trung bình.

Bảng 3. Kết quả hồi quy theo FLGS

Biến	
ESG	0.0080**
ESG^2	-0.1160*
ROE	-0.0506**
ESG*ROE	-0.035***
FUD	-0.0210***
SIZE	0.0016
CAP	0.024
GDP	0.0190***
INF	0.0302
Hằng số	0.0287

*Ghi chú: *, **, *** có ý nghĩa thống kê lần lượt là 10%, 5% và 1%*

Kết quả bảng 3 cho thấy tồn tại mối quan hệ phi tuyến giữa yếu tố ESG và chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, cụ thể, hệ số dương của biến ESG và hệ số âm có ý nghĩa thống kê của bình phương ESG (ESG^2) cho thấy mối quan hệ hình chữ U ngược giữa ESG và NPL. Điều này hàm ý rằng trong

giai đoạn đầu, việc triển khai các hoạt động ESG có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, khiến tỷ lệ nợ xấu tăng lên. Tuy nhiên, khi mức độ ESG vượt qua một ngưỡng nhất định - được xác định trong nghiên cứu là 0.0344, tác động của ESG đến chất lượng tài sản chuyển sang chiều hướng tích cực, góp phần giảm tỷ lệ nợ xấu.

Đáng chú ý, khả năng sinh lời (ROA) đóng vai trò điều tiết mối quan hệ giữa ESG và NPL. Hệ số âm có ý nghĩa thống kê của biến tương tác ESG × ROA cho thấy rằng khi ngân hàng có mức sinh lời cao, tác động tích cực của ESG đến chất lượng tài sản được củng cố mạnh mẽ hơn. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của hiệu quả tài chính trong việc phát huy lợi ích của các chiến lược phát triển bền vững (Baek & Kang, 2025), (Phương & Phương, 2023; Thanh & Huyền, 2022). Phát hiện này hàm ý rằng khả năng sinh lời không chỉ trực tiếp làm giảm nợ xấu mà còn nâng cao hiệu quả của ESG trong quản trị rủi ro tín dụng. Trong bối cảnh ESG vẫn còn mới mẻ và chưa có khung thực thi đồng bộ, các ngân hàng có năng lực tài chính mạnh sẽ có lợi thế trong việc tích hợp ESG vào mô hình kinh doanh một cách chủ động, từ đó đạt được cả mục tiêu phát triển bền vững và ổn định tài chính. Kết quả này đồng thời củng cố lập luận về tầm quan trọng của yếu tố nội tại doanh nghiệp - đặc biệt là hiệu quả hoạt động - trong việc khai thác lợi ích dài hạn từ ESG. Do đó, chính sách khuyến khích ESG trong ngành ngân hàng cần đi kèm với các biện pháp hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính và quản trị nội bộ của tổ chức. Kết quả này phù hợp với giả thuyết H2 đặt ra.

Trong nhóm biến kiểm soát, hai biến FUD, SIZE, và GDP đều thể hiện tác động ngược chiều đến tỷ lệ nợ xấu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng quy mô ngân hàng, được đo lường thông qua tổng tài sản, có tác động tiêu cực và có ý nghĩa thống kê đến tỷ lệ nợ xấu. Mối quan hệ này hàm ý rằng các ngân hàng có quy mô lớn hơn thường có khả năng kiểm soát rủi ro tín dụng tốt hơn nhờ vào lợi thế về công nghệ, hệ thống quản trị, và khả năng đa dạng hóa danh mục tài sản. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của (Khánh, 2023; Thanh & Huyền, 2022). Về cấu trúc vốn, biến đại diện là tỷ lệ tiền gửi huy động trên tổng tài sản cho thấy tác động âm có ý nghĩa thống kê đối với nợ xấu. Kết quả này phản ánh rằng các ngân hàng dựa nhiều vào nguồn vốn huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế thường có cơ cấu tài trợ ổn định hơn, giúp giảm thiểu rủi ro thanh khoản và tạo điều kiện để kiểm soát chất lượng tín dụng. Phát hiện này phù hợp với nghiên cứu của (Ahmed và cộng sự., 2021; Firmansyah, 2014; Ozili, 2020). Đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế, kết quả cho thấy tác động ngược chiều rõ rệt đến tỷ lệ nợ xấu, khẳng định vai trò của môi trường vĩ mô trong việc ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Cụ thể, khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực, doanh nghiệp và cá nhân có xu hướng cải thiện thu nhập và khả năng thanh toán, từ đó làm giảm áp lực lên chất lượng tài sản của các tổ chức tín dụng. Kết quả này phù hợp với bằng chứng thực nghiệm từ nghiên cứu của (Radivojević và cộng sự., 2019).

5. Kết luận và Hàm ý chính sách

Nghiên cứu đánh giá tác động của ESG đến chất lượng tài sản ngân hàng Việt Nam qua tỷ lệ nợ xấu (NPL) và vai trò điều tiết của khả năng sinh lời (ROE), sử dụng dữ liệu 23 ngân hàng giai đoạn 2017-2023. Kết quả cho thấy ESG làm tăng nợ xấu trong ngắn hạn, nhưng tác động này giảm đáng kể ở các ngân hàng có ROE cao, nhấn mạnh vai trò điều tiết của khả năng sinh lời. Các yếu tố như tỷ lệ vốn tự có, quy mô ngân hàng và tăng trưởng kinh tế cũng ảnh hưởng tích cực đến chất lượng tài sản. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách (1) Ngân hàng cần cân nhắc kỹ lưỡng giữa ESG và rủi ro tín dụng, thiết kế công cụ quản trị rủi ro phù hợp; (2) Tăng cường năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động để duy trì cam kết ESG; (3) Thúc đẩy hợp nhất, sáp nhập để nâng cao quy mô và quản trị rủi ro; (4) Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô hỗ trợ giảm nợ xấu.

Mặc dù đạt mục tiêu, nghiên cứu còn hạn chế về quy mô mẫu nhỏ và đo lường ESG chưa hoàn chỉnh. Tương lai sẽ mở rộng mẫu và cải tiến phương pháp đo ESG để làm rõ hơn tác động của ESG và vai trò điều tiết của ROE đối với chất lượng tài sản ngân hàng tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

Acharya, V. V., Hasan, I., & Saunders, A. (2006). Should banks be diversified? Evidence from individual bank loan portfolios. The Journal of Business, 79(3), 1355-1412. https://doi.org/https://doi.org/10.1086/500679

Ahmed, S., Majeed, M. E., Thalassinos, E., & Thalassinos, Y. (2021). The impact of bank specific and macro-economic factors on non-performing loans in the banking sector: Evidence from an emerging economy. Journal of Risk and Financial Management, 14(5), 217.

Baek, S., & Kang, M. (2025). Does ESG enhance asset quality and funding cost management in banking diversification? Finance Research Letters, 73, 106542. https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.frl.2024.106542

Cantero-Saiz, M., Polizzi, S., & Scannella, E. (2024). ESG and asset quality in the banking industry: The moderating role of financial performance. Research in International Business and Finance, 69, 102221. https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2024.102221

Chiaramonte, L., Dreassi, A., Girardone, C., & Piserà, S. (2022). Do ESG strategies enhance bank stability during financial turmoil? Evidence from Europe. The European Journal of Finance, 28(12), 1173-1211. https://doi.org/https://doi.org/10.1080/1351847X.2021.1964556

Citterio, A., & King, T. (2023). The role of Environmental, Social, and Governance (ESG) in predicting bank financial distress. Finance Research Letters, 51, 103411.

Eliwa, Y., Aboud, A., & Saleh, A. (2023). Board gender diversity and ESG decoupling: Does religiosity matter? Business Strategy and the Environment, 32(7), 4046-4067. https://doi.org/https://onlinelibrary.wiley.com/journal/10990836

Fatemi, A., Glaum, M., & Kaiser, S. (2018). ESG performance and firm value: The moderating role of disclosure. Global finance journal, 38, 45-64. https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.gfj.2017.03.001

Firmansyah, I. (2014). Determinant of non performing loan: The case of Islamic bank in Indonesia. Bulletin of Monetary Economics and Banking, 17(2), 241-258. https://doi.org/ ttps://doi.org/10.21098/bemp.v17i2.51

Jain, S., Kumar, A., Dambhare, A., & Mittal, R. (2024). Integration of Environmental, Social, and Governance (ESG) Factors in Bank Asset Quality Assessment: A Review. 2nd International Conference on Emerging Technologies and Sustainable Business Practices-2024 (ICETSBP 2024),

Ji, L., Sun, Y., Liu, J., & Chiu, Y.-h. (2023). Environmental, social, and governance (ESG) and market efficiency of China's commercial banks under market competition. Environmental Science and Pollution Research, 30(9), 24533-24552.

Kadioglu, E., & Ocal, N. (2017). Effect of the asset quality on the bank profitability. International Journal of Economics and Finance, 9(7), 60-68.

Khánh, L. D. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng: Trường hợp các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh-Kinh tế và quản trị kinh doanh, 18(2), 133-142.

Ozili, P. K. (2020). Non-performing loans in European systemic and non-systemic banks. Journal of Financial Economic Policy, 12(3), 409-424. https://doi.org/https://doi.org/10.1108/JFEP-02-2019-0033

Phương, N. T., & Phương, Đ. T. L. (2023). Yếu tố tác động đến tỷ lệ nợ xấu của nhóm ngân hàng thương mại có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán Việt Nam. Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, 260, 261.

Radivojević, N., Cvijanović, D., Sekulic, D., Pavlovic, D., Jovic, S., & Maksimović, G. (2019). Econometric model of non-performing loans determinants. Physica A: Statistical Mechanics and its Applications, 520, 481-488. https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.physa.2019.01.015

Rastogi, S., Singh, K., & Kanoujiya, J. (2024). Firm's value and ESG: the moderating role of ownership concentration and corporate disclosures. Asian Review of Accounting, 32(1), 70-90.

Thanh, B. Đ., & Huyền, N. N. (2022). Các yếu tố tác động đến nợ xấu của ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế & Ngân hàng Châu Á, 201.

Tommaso, C., & Thornton, J. (2020). Do ESG scores effect bank risk taking and value? Evidence from European banks. Corporate Social Responsibility and Environmental Management, 27(5), 2286-2298. https://doi.org/https://doi.org/10.1002/csr.1964

Tóth, B., Lippai-Makra, E., Szládek, D., & Kiss, G. D. (2021). The contribution of ESG information to the financial stability of European banks. PÉNZÜGYI SZEMLE/PUBLIC FINANCE QUARTERLY (1963-), 66(3), 429-450.

Yuen, M. K., Ngo, T., Le, T. D., & Ho, T. H. (2022). The environment, social and governance (ESG) activities and profitability under COVID-19: evidence from the global banking sector. Journal of Economics and Development, 24(4), 345-364.

Zhou, D., & Zhou, R. (2021). ESG performance and stock price volatility in public health crisis: evidence from COVID-19 pandemic. International Journal of Environmental Research and Public Health, 19(1), 202.